

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **611** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **25** tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 65/TTr-STNMT ngày 23 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT (Va). 3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 611 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ:

- Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;

- Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê. Áp dụng cho các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114; Khoản 2 Điều 172; điểm d Khoản 1 Điều 175 và Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.

b) Chủ động trong việc tổ chức thực hiện, bảo đảm kịp thời, đáp ứng tiến độ của các dự án và làm cơ sở để bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho việc tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể.

2. Yêu cầu

- Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp: So sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để xác định giá đất chi tiết đến từng thửa đất. Đối với các dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Việc xác định giá đất cụ thể phải được thực hiện khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013. Việc lựa chọn Đơn vị tư vấn định giá đất phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Kế hoạch định giá đất cụ thể:

a) Tổng số dự án thực hiện là 208 dự án (bao gồm: 158 dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và 50 dự án phải thực hiện xác định cụ thể làm căn cứ để

xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất,...theo quy định của pháp luật về Đất đai).

b) Tiến độ thời gian định giá đất cụ thể

- Đối với các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

+ Quý I: 27 dự án.

+ Quý II: 49 dự án.

+ Quý III: 49 dự án.

+ Quý IV: 33 dự án.

- Đối với những dự án, công trình đã đăng ký thực hiện năm 2021 tại Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông mà chưa thực hiện thì UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tiếp tục được thực hiện trong năm 2022.

- Đối với các dự án xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... mà giá trị của thửa đất hoặc khu đất trên 10 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) thực hiện theo tiến độ của từng dự án cụ thể.

2. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể

- Đối với các trường hợp xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất được bố trí từ nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính).

Ước tính kinh phí trung bình xác định giá đất cụ thể đối với các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất khoảng 24.608.000 đồng/dự án. Theo đó, tổng kinh phí định giá đất cụ thể của 158 dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (ước tính theo đất nông nghiệp) là: 158 dự án x 24.608.000 đồng/dự án = 3.888.064.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Cụ thể:

+ Quý I: 664.416.000 đồng/27 dự án.

+ Quý II: 1.205.792.000 đồng/49 dự án.

+ Quý III: 1.205.792.000 đồng/49 dự án.

+ Quý IV: 812.064.000 đồng/33 dự án.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

- Đối với các dự án xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... mà giá trị của thửa đất hoặc khu đất trên 10 tỷ (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) được bố trí từ ngân sách Nhà nước (theo quy định tại Khoản 4, Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ tài chính quy định về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản). Kinh phí định giá đất được thực hiện theo dự toán chi tiết cụ thể của từng dự án.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể đối với các trường hợp cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất... mà giá trị của thửa đất hoặc khu đất trên 10 tỷ đồng (tính theo Bảng giá đất).

- Kiểm tra phương án giá đất, trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định, hoàn thiện phương án giá đất trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có) cho UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

- Tổng hợp bổ sung vào Kế hoạch các công trình, dự án cấp bách khi được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận, trình UBND tỉnh quyết định.

- Lưu trữ toàn bộ kết quả định giá đất cụ thể.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và đơn vị có liên quan về sử dụng kinh phí theo nguồn phân cấp hoặc từ nguồn kinh phí dự án; tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí định giá đất cụ thể theo kế hoạch.

3. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Chỉ đạo các Phòng, Ban, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá để xây dựng phương án giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các dự án thuộc địa bàn; Thẩm định phương án giá đất cụ thể trình UBND huyện, thành phố ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể theo đúng quy định.

- Thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác định giá đất cụ thể theo quy định.

- Tổng hợp trình bổ sung vào Kế hoạch khi các công trình, dự án cấp bách được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận.

- Báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được hướng dẫn giải quyết.

- Lưu trữ toàn bộ kết quả định giá đất cụ thể. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC SỐ I:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT ĐỂ LÀM CĂN CỨ TÍNH TIỀN BÒI THƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: **611** /QĐ-UBND ngày **25** tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

A. Các dự án cần xác định giá đất cụ thể đã được HĐND tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15/12/2021

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
I	HUYỆN TUY ĐỨC		42,50	38.754	
a	Các dự án định giá đất quý I		1,9	350	
1	Dự án Nâng cấp, sửa chữa đường tỉnh lộ 1 (Hạng mục: xây dựng mương thoát nước)	Xã Quảng Tân - Đắk R'Tih - Đắk Buk So	1	250	Ngân sách tỉnh
2	Dự án Nhà máy điện gió Đắk N'Drung 1, 2, 3 (Hạng mục: móng trụ đường dây điện)	Xã Quảng Tân	0,9	100	Nhà đầu tư ứng kinh phí
b	Các dự án giá đất quý II		0,6	604	
3	Xây dựng công thoát nước ngang, rãnh dẫn nước hạ lưu cống và xử lý thoát nước các vị trí tụ thủy trên tuyến Tỉnh lộ 1.	Xã Quảng Tâm và xã Đắk R'Tih,	0,1	354	Ngân sách huyện
4	Đường giao thông thôn 2, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức	Xã Đắk Buk So	0,5	250	Ngân sách huyện
c	Các dự án định giá đất quý III				
d	Các dự án định giá đất quý IV		40	37.800	
5	Đường vào xã Đắk Ngo	Xã Quảng Tâm và xã Đắk Ngo	10	700	Ngân sách Trung ương
6	Hồ Đắk R'tan, xã Đắk R'Tih, huyện Tuy Đức	Xã Đắk R'Tih	30	37.100	Ngân sách Trung ương
II	HUYỆN ĐẮK R'LẤP		1.015	1.889.600	
a	Các dự án định giá đất quý I		478,12	909.850	
7	Dự án Trạm biến áp 110 kv Gia Nghĩa và đấu nối	Xã Nhân Cơ	0,05	100	Vốn ngành điện
8	Dự án khu dân cư số 3, thị trấn Kiến Đức	Thị trấn Kiến Đức	82	300.000	Ứng vốn đầu tư của Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển
9	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh, thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành	Thị trấn Kiến Đức, Kiến Thành	4	6.000	Ngân sách huyện



STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
10	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đăk Nông (Khai trường năm thứ 7, năm thứ 8).	Các xã trên địa bàn huyện	189,57	300.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản
11	Dự án đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đăk Ngo, huyện Tuy Đức	Xã Quảng Tín	0,5	750	Ngân sách tỉnh
12	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	Thị trấn Kiến Đức	2	3.000	Ngân sách huyện
13	Dự án đầu tư đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 2 phục vụ nhà máy Alumin Nhân Cơ	Huyện Đăk R'lấp	200	300.000	Vốn Tập đoàn than khoáng sản
b	Các dự án định giá đất quý II		457,38	840.750	
14	Dự án xây dựng công trình Khoang số 3 hồ bùn đỏ phục vụ duy trì sản xuất nhà máy Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Đạo	10	15.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản
15	Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2.	Xã Nhân Cơ	400	800.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
16	Dự án thủy điện Đăk Keh	Xã Hưng Bình và xã Đăk Sin	21	17.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
17	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Thị trấn Kiến Đức và xã Kiến Thành	6	1.000	Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.
18	Dự án nhà máy điện gió Đăk N'Drung 1, 2, 3 (Hạng mục: Móng trụ đường dây điện)	Xã Đăk Wer, xã Nhân Cơ	0,5	750	Nhà đầu tư ứng kinh phí
19	Cải tạo, nâng cấp cục bộ tỉnh lộ 5	Huyện Đăk R'lấp	19,2	5.000	Ngân sách Trung ương
20	Dự án trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã Đạo Nghĩa	Xã Đạo Nghĩa	1,18	2.000	Ngân sách tỉnh
c	Các dự án định giá đất quý III		72,44	129.000	
21	Dự án nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ xã Đạo Nghĩa, huyện Đăk R'lấp đi xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	Xã Đạo Nghĩa và xã Đăk Sin	10,34	5.000	Ngân sách tỉnh
22	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Quảng Tín đi Đăk Sin (đoạn từ 208 đi Đăk Sin).	Xã Đăk Sin và xã Quảng Tín	2	1.000	Ngân sách tỉnh
23	Dự án Nâng cấp đường giao thông từ QL 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đăk R'lấp	Thị trấn Kiến Đức và xã Kiến Thành	16	32.000	Ngân sách tỉnh

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
24	Dự án Khu tái định cư xã Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ	9,6	24.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản
25	Dự án Khu tái định cư xã Kiến Thành	Xã Kiến Thành	15	30.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản
26	Dự án Khu tái định cư xã Đăk Wer	Xã Đăk Wer	9,5	19.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản
27	Dự án Khu tái định cư xã Nghĩa Thắng	Xã Nghĩa Thắng	10	18.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản
d	Các dự án định giá đất quý IV		7	10.000	
28	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (đoạn từ km 27+500 - km 29+300)	Huyện Đăk R'lấp	7	10.000	Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác
III	HUYỆN CƯ JÚT		376,16	180.000	
a	Các dự án định giá đất quý I		9,85	7.200	
29	Khu nhà ở xã hội Tổ dân phố 7,8 thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling	9,85	7.200	Nhà đầu tư ứng kinh phí
b	Các dự án định giá đất quý II		312,20	70.500	
30	Dự án điện mặt trời thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling, xã Trúc Sơn	92,5	28.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
31	Dự án điện mặt trời Cư Knia	Xã Trúc Sơn, xã Cư Knia, thị trấn Ea T'ling	217	41.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
32	Mở rộng Chi cục thuế khu vực	Thị trấn Ea T'ling	0,2	1.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
33	Mở rộng đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn Năm Tầng, xã Đăk R'La, huyện Đăk Mil đến xã Cư Knia, huyện Cư Jút	Xã Cư Knia	2,5	500	Ngân sách tỉnh
c	Các dự án định giá đất quý III		52,11	98.300	
34	Đường Vành đai từ xã Tâm Thắng đi thị trấn Ea T'ling, xã Trúc Sơn (đường Võ Thị Sáu đến Km 744+900 Quốc lộ 14)	Xã Trúc Sơn, thị trấn Ea T'ling	3,5	4.200	Ngân sách huyện

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
35	Đường Mai Hắc Đế thị trấn Ea T'ling đến đường liên xã Trúc Sơn xã Cư Knia	Xã Trúc Sơn, thị trấn Ea T'ling	3,21	4.100	Ngân sách huyện
36	Hồ Đắc Gang	Xã Cư Knia, xã Trúc Sơn, xã Tâm Thắng, thị trấn Ea	45,4	90.000	Ngân sách Trung ương
d	Các dự án định giá đất quý IV		2	4.000	
37	Trung tâm văn hóa thể thao và công viên thiếu nhi huyện Cư Jút	Thị trấn Ea T'ling	2	4.000	Ngân sách huyện
IV	HUYỆN ĐẮK MIL		313,04	332.500	
a	Các dự án định giá đất quý I		32,5	34.000	
38	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắc Mil	Thị trấn Đắc Mil	2	2.000	Ngân sách Trung ương
39	Hồ thủy lợi Đắc Klo Ou	Xã Đắc Lao	25	25.000	Ngân sách Trung ương
40	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Nền đường, vỉa hè, thoát nước, điện chiếu sáng	Thị trấn Đắc Mil, xã Thuận An	4	5.000	Ngân sách huyện
41	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn Năm Tầng, xã Đắc R'la, huyện Đắc Mil đến xã Cư K'nia huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Xã Đắc R'la	2	2.000	Ngân sách tỉnh
b	Các dự án định giá đất quý II		20,90	19.200	
42	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An	Xã Đức Minh, xã Thuận An	3,9	4.000	Ngân sách tỉnh
43	Trục đường còn lại của Dự án Hoa viên và khu dân cư mới	Thị trấn Đắc Mil	0,2	500	Ngân sách huyện
44	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắc Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ 3 (DT 683) xã Đức Minh, huyện Đắc Mil (giai đoạn 1)	Xã Thuận An, xã Đức Minh	4,8	5.000	Ngân sách tỉnh
45	Đường liên xã Đắc Lao - Thuận An (hạng mục mương thu gom nước và hạ lưu cống xã)	Xã Đắc Lao	0,2	200	Ngân sách huyện
46	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắc Mil	Huyện Đắc Mil	4,5	4.000	Ngân sách tỉnh và vốn vay ADB
47	Hồ đội 3	Xã Đức Mạnh	1,0	500	Ngân sách trung ương
48	Đường liên xã Đắc R'la đi Đắc N'Drot	Xã xã Đắc R'la, xã Đắc N'Drot	6,3	5.000	Ngân sách tỉnh
c	Các dự án định giá đất quý III		44,7	47.000	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
49	Đường giao thông từ Bán Cao Lạng đi xã Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	Xã Đăk Gắn	0,5	500	Ngân sách huyện
50	Hạ tầng khu đô thị mới dân cư huyện Đăk Mil	Xã Đức Minh	6,7	7.000	Ngân sách huyện
51	Bãi rác xã Đăk N'Drot	Xã Đăk N'Drot	2	2.000	Ngân sách huyện
52	Bãi rác xã Đăk Gắn	Xã Đăk Gắn	3	3.000	Ngân sách huyện
53	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh -Đăk Săk	Xã Đức Minh, xã Đức Mạnh, xã Đăk Săk	1,5	1.500	Ngân sách tỉnh
54	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	Xã Đức Minh	2	3.000	Ngân sách tỉnh
55	Dự án Hồ suối 38	Xã Đăk R'la	29	30.000	Ngân sách Trung ương
d	Các dự án định giá đất quý IV		214,94	232.300	
56	Dự án ổn định dân di cư tự do 03 thôn Tân Lập, Bắc Sơn, Tân Định xã Đăk Gắn	Xã Đăk Gắn	2,1	2.100	Ngân sách Trung ương
57	Hồ Đăk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)	Xã Đăk Gắn, xã Đăk R'la	184,6	200.000	Ngân sách Trung ương
58	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô	Huyện Đăk Mil	0,1	200	Vốn ngành điện
59	Hạ tầng Cụm Công nghiệp Thuận An (giai đoạn 2); hạng mục: Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng	Xã Thuận An	25,64	25.000	Ngân sách huyện
60	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đăk Mil (Đ16)	Thị trấn Đăk Mil, xã Đức Minh, xã Đức Mạnh	2,5	5.000	Ngân sách Trung ương
V	HUYỆN KRÔNG NÔ		422,66	237.130	
a	Các dự án định giá đất quý I		124,5	57.600	
61	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	Thị trấn Đăk Mâm, xã Nam Xuân	20,7	2.300	Ngân sách Trung ương
62	Hệ thống nước thải Chợ xã	Xã Nam Đà	0,4	300	Ngân sách xã
63	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đăk Mâm huyện Krông Nô	Thị trấn Đăk Mâm	8,4	20.000	Ngân sách Trung ương
64	Hồ Đăk Na	Huyện Krông Nô	95	35.000	Ngân sách Trung ương
b	Các dự án định giá đất quý II		232,41	96.490	
65	Hồ Đăk Ri 2	Xã Tân Thành	10	4.600	Ngân sách tỉnh

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
66	Công trình thoát nước đường bộ tuyến đường Quốc lộ 28	Các xã Quảng Phú, Đăk Nang, Năm N'Đir, Đăk Sôr, Đứk Xuyên, Nam Đà	1,28	1.400	Ngân sách huyện
67	Rãnh thoát nước hạ lưu Cống ngang thuộc Km 16+200, tuyến đường huyện DH57	Xã Năm N'Đir	0,05	400	Ngân sách xã
68	Khu du lịch sinh thái suối nước trong	Xã Nam Đà	51,64	51.640	Nhà đầu tư ứng kinh phí
69	Hoàn thiện lưới điện trung áp 110 huyện Krông Nô	Thị trấn Đăk Mâm, xã Nam Xuân, xã Tân Thành	0,1	100	Vốn ngành điện
70	Thủy điện Đăk Sôr 4	Xã Nam Xuân	18	11.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
71	Dự án nhà máy điện mặt trời Xuyên Hà	Xã Đứk Xuyên	148,7	23.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
72	Mở rộng trạm y tế Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	0,04	150	Ngân sách huyện
73	Trung tâm xã Đứk Xuyên	Xã Đứk Xuyên	2,6	4.200	Ngân sách huyện
c	Các dự án định giá đất quý III		55,35	70.040	
74	Trung tâm xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	4	1.100	Ngân sách xã
75	Khu đô thị mới Tây Nam Hồ thị trấn Đăk Mâm	Thị trấn Đăk Mâm	13,2	27.720	Nhà đầu tư ứng kinh phí
76	Hồ chứa nước Nam Xuân (hệ thống kênh/đường ống)	Huyện Krông Nô	20,2	23.000	Vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác
77	Ổn định dân di cư tự do xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	Xã Quảng Phú	6	4.500	Ngân sách Trung ương
78	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô (Nam Đà, TT. Đăk Mâm, Đăk Drô)	Xã Nam Đà, thị trấn Đăk Mâm	6,36	6.120	Ngân sách tỉnh
79	Cống, rãnh thoát nước từ Đài truyền thanh xuống đường Quang Trung và đến hệ thống cống thoát nước đường Kim Đồng (N4.1)	Thị trấn Đăk Mâm	0,4	2.800	Ngân sách huyện

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
80	Rãnh thoát nước tại hạ lưu cống Km 281+550 và Km số 281+945 Quốc lộ 28(đoạn qua địa bàn Năm N'Đir, huyện Krông Nô)	Xã Năm N'Đir	0,19	800	Ngân sách huyện
81	Mở rộng bãi rác	Thị trấn Đăk Mâm	5	4.000	Ngân sách huyện
d	Các dự án định giá đất quý IV		10,4	13.000	
82	Nhà máy điện mặt trời nổi KN Buôn Tua Sar	Xã Quảng Phú	7	5.600	Nhà đầu tư ứng kinh phí
83	Chỉnh trang khu dân cư đô thị - Khu vực hộ ông Cát	Thị trấn Đăk Mâm	2,5	6.000	Ứng vốn quỹ Phát triển đất tỉnh
84	Mở rộng trường tiểu học Bế Văn Đàn	Xã Quảng Phú	0,2	200	Ngân sách huyện
85	Kè Đăk Nang	Xã Đăk Nang	0,7	1.200	Ngân sách Trung ương
VI	THÀNH PHỐ GIA NGHĨA		390,02	1.290.150,30	
a	Các dự án định giá đất quý I		56,22	120.098	
86	Chợ và Khu dân cư Sùng Đức	Phường Nghĩa Tân	7	25.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
87	Khu đô thị mới TDP 2, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân; Phường Nghĩa Trung	1,3	22.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
88	Nâng cấp sửa chữa vỉa hè đường Nguyễn Thái Học phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	0,3	320	Ngân sách thành phố và nguồn vốn hợp pháp khác
89	Dự án Khu du lịch sinh thái thác Liêng Nung (Công viên văn hóa kết hợp du lịch sinh thái Liêng Nung)	Xã Đăk Nia	28,54	18.254	Nhà đầu tư ứng kinh phí
90	Khu đô thị mới tổ 5, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	19,1	54.524	Nhà đầu tư ứng kinh phí
b	Các dự án định giá đất quý II		138,15	513.210	
91	Dự án: Trạm biến áp 110 kv Gia Nghĩa và đấu nối	Trên địa bàn thành phố	1,00	1.000	Vốn ngành điện
92	Nâng cấp, mở rộng đường Nơ Trang Long đi Khu tái định cư đồi Đăk Nur A, phường Nghĩa Đức (đoạn từ đường 23/3 đến giao với đường Lương Thế Vinh)	Phường Nghĩa Đức	0,05	500	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
93	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn tổ dân phố 1 phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	0,56	3.600	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
94	Khu đô thị số 2 phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	8,76	140.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
95	Khu đô thị mới tổ 3, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	47,77	90.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
96	Đường Lê Hồng Phong nối đường tránh thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Phú; Quảng Thành	5,5	5.000	Ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố
97	Đường Tôn Đức Thắng nối 02 trục Bắc Nam	Phường Nghĩa Thành	1,4	49.310	Ngân sách trung ương
98	Đường Tô Hiến Thành (nối trung tâm thành phố Gia Nghĩa đến đường Quang Trung)	Phường Nghĩa Tân	1	7.300	Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố
99	Khu đô thị mới tổ 4, phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	70,76	212.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
100	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi, giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đăk Nông	Phường Nghĩa Tân	1,35	4.500	Ngân sách tỉnh
c	Các dự án định giá đất quý III		106,86	645.767,0	
101	Khu đô thị mới số 6, khu vực Sùng Đức	Phường Nghĩa Tân	25,47	71.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
102	Khu số 01 dọc đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Tân, Nghĩa Trung	14,05	70.404	Nhà đầu tư ứng kinh phí
103	Mở rộng giáo xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,6	7.500	Ngân sách tỉnh
104	Di dời Nghĩa Địa Đồi Su, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	4	19.242	Ứng vốn đầu tư của Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh
105	Khu đô thị mới số 3, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	47,3	100.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
106	Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	12,19	346.117	Ngân sách trung ương và địa Phương

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
107	Đường từ thôn Nghĩa Tín, phường Quảng Thành đi phường Nghĩa Đức (giai đoạn 2)	Phường Nghĩa Đức	1,85	4.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
108	Nâng cấp mở rộng đường Chu Văn An, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Thành	0,45	12.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
109	Sửa chữa, cải tạo đường vào trường THCS Trần Phú (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường bờ tây Hồ Trung tâm), phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,75	6.304	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
110	Hoa viên xã Quảng Thành (nay là phường Quảng Thành)	Xã Quảng Thành	0,04	800	Ngân sách thành phố
111	Sửa chữa, cải tạo đường Quang Trung (đoạn từ giao với đường 3/2 đến giao với đường Đinh Tiên Hoàng), phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	0,75	4.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
112	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường tổ dân phố 01, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	0,16	3.600	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
113	Đường từ thôn Nghĩa Tín, xã Quảng Thành đi phường Nghĩa Đức (giai đoạn 2)	Phường Nghĩa Đức	1,85	4.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
d	Các dự án định giá đất quý IV		88,8	11.075,3	
114	Sửa chữa, cải tạo đường Điện Biên Phủ, phường Nghĩa Trung (giai đoạn 1)	Phường Nghĩa Trung	0,675	3.075	Vốn sự nghiệp giao thông và nguồn vốn hợp pháp khác
115	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường tổ DP 02, phường Nghĩa Phú và phường Quảng Thành (đoạn phía sau Công an tỉnh Đắk Nông)	Phường Nghĩa Phú, phường Quảng Thành	5	3.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
116	Đường từ phân hiệu Trường tiểu học Bé Văn Đàn đến hội trường thôn Tân Phương và hệ thống thoát nước xuống hạ lưu đường thôn Tân Phú	Xã Đắk R'Moan	0,2	500	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
117	Nâng cấp sửa chữa vỉa hè đường Lê Hồng Phong, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	0,300	3.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
118	Nâng cấp, sửa chữa tổ chức giao thông đường 23/3, đường N'Trang long và đường nối từ đường 23/3 tới đường tổ dân phố 02, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Đức, phường Nghĩa Tân	0,06	1.500	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
119	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	Phường Nghĩa Tân	19,35	70,00	Ngân sách Trung ương
120	Trường Cao đẳng cộng đồng (bổ sung)	Phường Nghĩa Trung	2	6,00	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh
121	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	Phường Nghĩa Đức	1,2	5,00	Ngân sách tỉnh
122	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Xã Đắk Nĩa	55	30,00	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh
123	Trường Cao đẳng cộng đồng (Quy mô mở rộng quy hoạch)	Phường Nghĩa Trung	5	30,00	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh
VII	HUYỆN ĐẮK SONG		119,70	41.687,00	
a	Các dự án định giá đất quý I		38	2.800	
124	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình- Thuận Hạnh	Xã Nam Bình, xã Thuận Hạnh	3,5	300	Ngân sách tỉnh
125	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi xã Trường Xuân và xã Năm N'Jang huyện Đắk Song	Xã Năm N'Jang, Trường Xuân	34,5	2.500	Ngân sách Trung ương
b	Các dự án định giá đất quý II		33,40	8.325	
126	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 vào cầu thôn 2 xã Trường Xuân huyện Đắk Song kết nối với đường phía Tây thủy điện Đắk R'tih đến xã Đắk R'Moan	Xã Trường Xuân	6,6	2.000	Ngân sách tỉnh
127	Nâng cấp đường giao thông liên xã Năm N'Jang và xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song	Xã Đắk N'Drung, Năm N'Jang	6,6	500	Ngân sách tỉnh
128	Đường giao thông liên xã Năm N'Jang- Trường Xuân- Đắk N'Drung	Xã Năm N'Jang, xã Đắk N'Drung Trường Xuân	20,2	5.825	Ngân sách Trung ương
c	Các dự án định giá đất quý III		25,6	15.562	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
129	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình, huyện Đắk Song	Thị trấn Đức An	8,4	5.000	Ngân sách tỉnh
130	Đường giao thông từ Trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'Drung	Xã Đắk N'Drung, Thuận Hà	9,0	4.900	Ngân sách Trung ương
131	Cải tạo, nâng cấp Tinh lộ 2	Xã Nam Bình	6,2	5.312	Ngân sách Trung ương
132	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Xã Năm N'Jang và xã Đắk N'Dung	2,0	350	Nguồn vốn đối ứng trong nước (Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương)
d	Các dự án định giá đất quý IV		22,70	15.000	
133	Nhà máy điện gió Asia Đắk Song 1	Xã Nam Bình	22,7	15.000	Nhà đầu tư ứng kinh phí
VIII	HUYỆN ĐẮK GLONG		23,31	48.890	
a	Các dự án định giá đất quý I		2,40	6.750	
134	Thu hồi đất phạm vi đất dành cho thoát nước công trình giao thông đường bộ	Các xã trên địa bàn huyện	1,9	5.500	Ngân sách tỉnh
135	Cây di sản Việt Nam xã Đắk Som	Xã Đắk Som	0,5	1.250	Ngân sách tỉnh
b	Các dự án định giá đất quý II		8,25	18.890	
136	Công trình thủy lợi Suối Đá	Xã Quảng Hòa	0,45	360	Ngân sách địa phương
137	Các trục đường khu Trung tâm Văn hóa - Thương mại huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	5	12.700	Ngân sách Trung ương
138	Trụ sở HĐND-UBND xã Đắk Ha	Xã Đắk Ha	1	2.300	Ngân sách tỉnh
139	Phân hiệu Trường Tiểu học và THCS trần Quốc Toản (thôn 5)	Xã Đắk Ha	1,5	3.100	Ngân sách huyện
140	Phân hiệu Trường Tiểu học và THCS trần Quốc Toản (thôn 4)	Xã Đắk Ha	0,3	430	Ngân sách huyện
c	Các dự án định giá đất quý III		12,41	21.800	
141	Mở rộng nghĩa địa thôn Quảng Long	Xã Quảng Khê	6,01	10.000	Ngân sách huyện
142	Chợ trung tâm Đắk Nang (xã Đắk Som)	Xã Đắk Som	1,2	3.600	Ngân sách huyện
143	Tái định cư xen ghép	Xã Đắk Som	5	6.500	Vốn ngành điện
144	Đường vào Ngân hàng chính sách huyện	Xã Quảng Khê	0,1	850	Ngân sách huyện
145	Đường vào Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Quảng Khê	0,1	850	Ngân sách huyện

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
d	Các dự án định giá đất quý IV		0,25	1.450	
146	Đường vào Chi cục thuế huyện Đắk Glong (cũ)	Xã Quảng Khê	0,1	850	Ngân sách huyện
147	Hồ Lâm trường (thôn 5)	Xã Quảng Khê	0,15	600	Ngân sách Trung ương
<i>(Ghi chú: Diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần xác định giá đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)</i>					

B. Các dự án cần xác định giá đất cụ thể dự kiến trình thông qua Nghị quyết thu hồi đất bổ sung năm 2022

I	HUYỆN ĐẮK R'LẤP		21,43	41.100	
	Dự kiến thực hiện trong Quý IV		21	41.100	
1	Dự án mở rộng ngăn lộ đầu nối	Xã Nhân Cơ	0,31	700	Vốn doanh nghiệp
2	Dự án nhà nghỉ ca của Công ty TNHH MTV Năng lượng Đắk N'Dung Đắk Nông	Xã Nhân Cơ	0,37	800	Vốn doanh nghiệp
3	Dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp, trung tâm huyện lỵ, thị xã thuộc tỉnh Đắk Nông	Thị trấn Kiến Đức, Kiến Thành, Đắk Wer, Hưng Bình, Nhân Cơ	0,31	600	Vốn ngành điện
4	Dự án đường giao thông trung tâm xã Nghĩa Thắng đi thôn Quảng Phước xã Đạo Nghĩa	xã Nghĩa Thắng, xã Đạo Nghĩa	12	12.000	Vốn ngân sách tỉnh
5	Dự án đường giao thông từ tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiến Đức qua các xã Kiến Thành - Đắk Wer - Nhân Cơ	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành, Đắk Wer, Nhân Cơ	9,12	27.000	Vốn ngân sách tỉnh
II	HUYỆN ĐẮK MIL		4,86	4.111	
	Dự kiến thực hiện trong Quý II		4,86	4.111	
6	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 2	Xã Đức Mạnh	1,24	1.390	Ngân sách Trung ương
7	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	Xã Đức Mạnh	3,62	2.721	Ngân sách Trung ương
III	THÀNH PHỐ GIA NGHĨA		5,68	10.400	
	Dự kiến thực hiện trong Quý III		5,68	10.400	
8	Xử lý các điểm phát sinh xói lở hạ lưu thoát nước, mái Taluy, vị trí đọng nước; bổ sung cọc mốc lộ giới; điều chỉnh, bổ sung hệ thống an toàn giao thông, thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817+00÷Km887+00 theo hình thức BOT	Phường Quảng Thành	0,08	400	Vốn ngân sách

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn
9	Nghĩa trang thôn Tân Phú	Xã Đăk R'Moan	5,6	10.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
IV	HUYỆN ĐẮK SONG		1,2	500	
	Dự kiến thực hiện trong Quý IV		1,2	500	
10	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình, huyện Đăk Song	Thị trấn Đức An	8,4	5.000	Ngân sách tỉnh
11	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk N'Drung - Thuận Hà	Xã Đăk N'Drung, Thuận Hà	1,2	500	Ngân sách tỉnh

(Các dự án nêu trên được xác định giá đất cụ thể trong năm 2022 sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục Nghị quyết thu hồi đất bổ sung năm 2022. Diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần xác định giá đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

PHỤ LỤC SỐ II:**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022***(Kèm theo Quyết định số: 611 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án tạm tính (ha)
I	HUYỆN TUY ĐỨC		
1	Sân bay Bu Boong	Thôn 4, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức	9
2	Cuối Sân bay Bù Boong	Thôn 4, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức	2
3	Điểm CBB 3 cũ	Thôn 3, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức	2
4	Gần ngân hàng Agribank	Thôn 3, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức	3
II	HUYỆN CƯ JÚT		
5	Trạm Thú y thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling	0,0676
6	Phòng Văn Hóa và Thông tin	Thị trấn Ea T'ling	0,21
7	Trạm Y tế xã Nam Dong	Xã Nam Dong	0,15
III	HUYỆN ĐẮK MIL		
8	Khu dự trữ số 5 dự án Quảng trường huyện Đắk Mil	TDP 3, thị trấn Đắk Mil	1809,6
9	Các thửa đất sau trường Trần Hưng Đạo	TDP 5, thị trấn Đắk Mil	1246,6
10	Thửa đất công phụ phía Tây	TDP 5, thị trấn Đắk Mil	146,2
11	Thửa đất giáp bãi đỗ xe nhà hàng Tuấn Thảo	TDP 5, thị trấn Đắk Mil	98
12	Thửa đất giáp đường Văn Tiến Dũng và đường Xuân Diệu	TDP 5, thị trấn Đắk Mil	212
13	Khu G dự án Hoa viên và khu dân cư mới huyện Đắk Mil (giai đoạn 2)	TDP 5, thị trấn Đắk Mil	2.025,9
IV	THÀNH PHỐ GIA NGHĨA		
14	Khu đất Chi cục thuế huyện Đắk Nông (cũ)	Phường Nghĩa Thành	239,50
15	Khu đất Hội trường TDP1(cũ), phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	2.565,2
16	Khu đất trụ sở Lâm trường Đắk Nia (cũ)	Phường Nghĩa Trung	855,95
17	Khu đất trụ sở UBND phường Nghĩa Trung (cũ)	Phường Nghĩa Trung	4.618,46

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án tạm tính (ha)
18	Khu đất Hội trường TDP7	Phường Nghĩa Thành	381
19	Khu đất xây dựng chợ tại khu tái định cư Đăk Nĩa	Phường Nghĩa Trung	12.000
20	Khu đất sân bóng gần trường Tiểu học Trần Quốc Toản	Phường Nghĩa Trung	1.448,23
21	Bến xe khách Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Thành	2.076
22	Sân vận động tỉnh Đăk Nông (cũ)	Phường Nghĩa Tân	56.134
V	HUYỆN ĐĂK SONG		
23	Đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Tổ dân phố 2 thị trấn Đức An (Đài nước)	Tổ 2, thị trấn Đức An	0,068
24	Đất tổ dân phố 6, thị trấn Đức An (khu Công vụ)	Tổ 6, thị trấn Đức An	0,858
25	Trạm y tế Bon Bu Đốp (cũ) xã Đăk N'Drung	Bon Bu N'Drung, xã Đăk N'Drung	0,307
26	Trạm y tế thôn 10 xã Nam Bình	Thôn 10, xã Nam Bình	0,098
27	Trạm nước thôn 10 xã Nam Bình	Thôn 10, xã Nam Bình	0,036
28	Trạm Y tế xã Đăk Mol cũ	Bon Rlong, xã Đăk Mol	0,083
29	Trụ sở xã Đăk Mol cũ	Bon Bu Gri, xã Đăk Mol	0,044
30	Khu đất Công ty TNHH MTV Minh Tiến, thôn 1, xã Trường Xuân	Thôn 1, xã Trường Xuân	0,037
VI	HUYỆN ĐĂK GLONG		
31	Khu đấu giá xã Quảng Sơn	Xã Quảng Sơn	0,05
VII	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH		
a	Thành phố Gia Nghĩa		
32	Thửa số 11 (Ki ốt số 29) thu hồi của Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch Đăk Nông	Phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	231,5
33	Khu đất diện tích 17.461 m ² (Khách sạn Cao nguyên cũ)	Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa	17.461
34	Thửa số 1 (Ki ốt số 7A) thu hồi của Công ty TNHH MTV Thương mại và Du lịch Đăk Nông	Phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	172,5

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án tạm tính (ha)
35	Thửa đất số 1, mảnh trích đo địa chính số 03-2018 thuộc khu đất Nhà hàng khách sạn Thông Xanh của hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa	1.728,6
36	Thửa đất số 2, mảnh trích đo địa chính số 03-2018 thuộc khu đất Nhà hàng khách sạn Thông Xanh của hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa	2.527
37	Khu đất Khu vui chơi giải trí (Nice Club) thuộc Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Thành, thành phố Gia nghĩa	4.707,5
38	Lô đất số 7 thuộc khu hành chính 95 ha	Đường Phan Đăng Lưu, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa	1.303,2
b	Huyện Đắk Song		
39	Khu đất Trụ sở Lâm trường Đắk Rung cũ thu hồi của Công ty TNHH MTV Thuận Tân	Xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song	743,2
40	Khu đất kho phân thu hồi của Công ty TNHH MTV Thuận Tân	xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	2.644,7
41	Khu đất diện tích 7.165,9 m ² (Dự kiến xây dựng trụ sở làm việc) của hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Thuận Tân	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	7.165,9
42	Khu đất Trụ sở Công ty của hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV LN Trường Xuân	Xã Trường Xuân, huyện Đắk Song	2.318,1
c	Huyện Đắk R'lấp		
43	Khu đất trụ sở Công ty thu hồi của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Quảng Tín	Xã Quảng Tín, huyện Đắk R'lấp	2.467
d	Huyện Đắk Glong		
44	Khu đất trụ sở XNLN Quảng Khê thu hồi của Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa	Xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong	1.551,8
e	Huyện Đắk Mil		
45	Khu đất trụ sở Chi cục thuế huyện Đắk Mil cũ	Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil	451,8

(Ghi chú: Diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần xác định giá đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)



PHỤ LỤC SỐ III:

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ CỤ THỂ LÀM CĂN CỨ TÍNH TIỀN SỬ
DỤNG ĐẤT KHI NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC
HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: **611** /QĐ-UBND ngày **25** tháng 3 năm 2022 của UBND
tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Diện tích định giá đất cụ thể (ha)	Ghi chú
1	Dự án Khu tái định cư xã Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ	9,6	
2	Dự án Khu tái định cư xã Kiến Thành	Xã Kiến Thành	15	
3	Dự án Khu tái định cư xã Đắk Wer	Xã Đắk Wer	9,5	
4	Dự án Khu tái định cư xã Nghĩa Thắng	Xã Nghĩa Thắng	10	
5	Dự án Khu tái định cư xã Đạo Nghĩa	Xã Đạo Nghĩa	0,25	

(Ghi chú: Diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần xác định giá đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)